TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2017/DSPT
Ngày: 08 – 9-2017
V/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Viết Phong
Các thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Loan
Ông Nguyễn Viết Hùng

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: Ông Nguyễn Hữu Nam
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*:** Ông Bùi Văn Thi- Kiểm sát viên.

Trong các ngày10 tháng 8 năm 2017 và ngày 08 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2017/DSPT ngày 27/6/2017 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2017/QĐ-PT ngày 31 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lã Thị Kiều L, sinh năm 1961 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố M, phường N, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: 46 A, khu phố B, phường C, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

*Đồng bị đơn:*1. Ông Hoàng Đình T, sinh năm 1975 (Có mặt)

2. Bà Lê Thùy N, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã E, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sản xuất thương mại HT.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Đình T, sinh năm 1975 – Chức vụ: Giám đốc. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã E, huyện H, tỉnh Bình Phước.

2. Ông Bùi Minh Th, sinh năm 1960 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố M, phường N, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Người kháng cáo: 1. Bị đơnông Hoàng Đình T

2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên sản xuất thương mại HT.

Cùng địa chỉ: Số 169, ấp 2 xã E, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị N trình bày:

Ông Hoàng Đình T, bà Lê Thùy N có vay tiền cũa bà Lã Thị Kiều L nhiều lần với tổng số tiền 1.150.000.000 đồng. Các lần cụ thể như sau: Ngày 03/02/2012 vay 400.000.000 đồng, ngày 07/02/2012 vay 50.000.000 đồng, ngày 29/02/2012 vay 50.000.000 đồng, ngày 02/3/2012 vay 200.000.000 đồng, ngày 14/3/2012 vay 450.000.000 đồng. Các lần vay đều có viết giấy nợ, tuy nhiên không thỏa thuận thời gian trả nợ, chỉ thỏa thuận miệng lãi suất 7,5%/tháng.

Số tiền vay trên ông T, bà N đã trả được 132.500.000 đồng tiền lãi. Còn tiền gốc thì chưa trả lại. Đến ngày 22/7/2012 thì ông T, bà N giao cho bà L cùng chồng là Bùi Minh Th 02 chiếc xe tải ben , BKS X và YCông ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sản xuất thương mại HT (gọi tắt là Công ty TNHH MTV SXTM HT) là chủ sở hữu, mục đích là để cầm cố tài sản nhằm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, khi nào trả hết số tiền vay và lãi suất thì bà L trả xe.

Đến nay mặc dù đã đòi nhiều lần nhưng ông T, bà N vẫn chưa trả số tiền nợ trên. Nay bà L khởi kiện yêu cầu ông T, bà N liên đới trả số tiền 1.150.000.000 đồng. và tiền lãi tính theo lãi suất quy định của pháp luật đối với từng khoản vay. Đồng thời, yêu cầu xử lý theo quy định của pháp luật đối với 02 chiếc xe.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà L đồng ý khấu trừ số tiền lãi 132.500.000 đồng mà ông T, bà N đã trả vào số tiền gốc, chỉ yêu cầu ông T, bà N trả số tiền gốc 1.017.500.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 01/6/2012 đến ngày Tòa án giải quyết. Đồng thời, yêu cầu xử lý theo quy định của pháp luật đối với 02 chiếc xe.

Theo biên bản lấy lời khai của ông Hoàng Đình T, bà Lê Thùy N trình bày**:** Số tiền bà Lã Thị Kiều L đang yêu cầu vợ chồng ông T, bà N trả thực chất là tiền lãi phát sinh từ số tiền nợ gốc 1.710.000.000 đồng mà trước đó ông T (với tư cách cá nhân) cùng vợ là bà N có vay của bà L nhiều lần tổng số tiền là

1.710.000.000 đồng mục đích là để đầu tư vào Công ty HT. Khi vay thỏa thuận lãi suất 12%/tháng. Tính đến ngày 30/10/2011 thì tiền lãi là 820.800.000 đồng. Ngày 31/10/2011 ông T, bà N đã trả hết cho bà L số tiền gốc là 1.710.000.000 đồng còn số tiền lãi này là 8%/tháng. Đến ngày 14/3/2012 hai bên tiến hành chốt nợ thì lên đến số tiền 1.150.000.000 đồng. Sau đó bà L yêu cầu ông T viết giấy vay vào nhiều ngày khác nhau để hợp thức hóa số tiền trên. Cụ thể các ngày sau: Ngày 03/02/2012 vay 400.000.000 đồng, ngày 07/02/2012 vay 50.000.000 đồng, ngày 29/02/2012 vay 50.000.000 đồng, ngày 02/3/2012 vay 200.000.000 đồng, ngày 14/3/2012 vay 450.000.000 đồng. Số tiền hợp thức hóa này bà L không thỏa thuận tiền lãi và cũng không thỏa thuận ngày trả. Từ lúc vay đến nay ông T, bà N đã trả được 132.500.000 đồng tiền gốc.

Vào ngày 22/7/2012 ông T, bà N có giao cho bà L cùng ông Thủy là chồng của bà L 02 chiếc xe ben BKS X và Y có tổng giá trị 1.115.000.000 đồng của Công ty TNHH MTV SXTM HT do ông Hoàng Đình T làm đại diện theo pháp luật, mục đích là để cấn trừ nợ. Nay bà L yêu cầu trả số tiền 1.017.500.000 đồng và lãi suất ông T, bà N không đồng ý vì đã giao xe để cấn trừ nợ. Đồng thời ông T, bà N yêu cầu bà L phải trả cho Công ty TNHH MTV SXTM HTlợi nhuận từ hoạt đồng của hai xe tải mỗi ngày một xe là 5.000.000 đồng, hai xe mỗi ngày 10.000.000 đồng tính từ ngày Công ty TNHH MTV SXTM HTgiao xe (ngày 22/7/2012) cho đến ngày Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông Hoàng Đình T – Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV SXTM HT: Vào năm 2001, ông T có vay tiền của bà L nhưng vay với tư cách cá nhân và sử dụng để đầu tư cho Công ty TNHH MTV SXTM HT. Số tiền vay đã trả là 1.710.000.000 đồng, còn tiền lãi chưa trả là 820.800.000 đồng. Số tiền này bà L tính tiền lãi thành số tiền này là 1.150.000.000 đồng.

Ngày 22/7/2012 ông T có giao cho bà L cùng ông Thủy là chồng bà L 02 chiếc xe tải ben BKS X và Y có tổng giá trị 1.115.000.000 đồng để cấn trừ nợ do ông T cùng bà N vay của bà L. Nếu bà L không đồng ý thì Công ty TNHH MTV SXTM HTyêu cầu bà L phải trả lợi nhuận từ hoạt động của hai xe tải mỗi ngày một xe là 5.000.000 đồng, hai xe một ngày là 10.000.000 đồng tính từ ngày công ty HT giao xe (ngày 22/7/2012) cho đến ngày Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ông Bùi Minh Th trình bày: Việc vay mượn tiền giữa bà L và ông T, bà N ông Thủy không biết gì. Ngày 22/7/2012 ông Thủy chỉ đi cùng với bà L để nhận 02 chiếc xe tải ben theo yêu cầu của bà L, xe hiện nay cũng do bà L quản lý. Đối với việc tranh chấp giữa bà L và ông T, bà N ông Thủy không có ý kiến gì, không có yêu cầu gì.

Tại Bản án sơ thẩm số 08/2017/DSST ngày 29/3/2017, Tòa án nhân dân huyện H đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lã Thị Kiều L.

Buộc ông Hoàng Đình T, bà Lê Thùy N trả cho bà Lã Thị Kiều L số tiền gốc 1.017.500.000 đồng (Bốn trăm lẻ ba triệu, chín trăm bốn mươi bảy ngàn, năm trăm đồng). Tổng số tiền gốc và tiền lãi là 1.421.447.500 đồng (Một tỷ, bốn trăm hai mươi mốt triệu, bốn trăm bốn mươi bảy ngàn, năm trăm đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí giám định, định giá, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định

Ngày 06/6/2017 Bị đơn ông Hoàng Đình T và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quanCông ty TNHH MTV SXTM HT– Đại diện theo pháp luật ông Hoàng Đình T có đơn kháng cáotoàn bộBản án sơ thẩmcủaToà án nhân dân huyện H.Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước hủy Bản án số 08/2017/DSST ngày 29/3/2017 củaTòa án nhân dân huyện H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vì Tòa cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà Tòa cấp phúc thẩm không khắc phục được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại đơn khởi kiện đề 19 tháng 10 năm 2012 (bút lục 01), và Đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện (bút lúc 09) bà Lã Thị Kiều L có yêu cầu Tòa án: Buộc ông T, bà N trả số tiền 1.150.000.000 đồng; Yêu cầu xử lý tài sản cầm cố là 02 chiếc xe ben biển kiểm soát số Y và X theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại các Thông báo thụ lý số 133/2012/TB-TLVA ngày 30 tháng 10 năm 2012, Thông báo thụ lý số 170/2014/TB-TLVA ngày 05 tháng 11 năm 2014 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa cấp sơ thẩm đã không thụ lý yêu cầu của nguyên đơn và cũng không tiến hành giải quyết yêu cầu đối với 02 chiếc xe ben biển kiểm soát số Y và X là tài sản của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sản xuất thương mạiHT (Công ty TNHH MTV SXTM HT). Cấp sơ

thẩm xác định đây là yêu cầu độc lập của bị đơn và cho rằng Công ty TNHH MTV SXTM HTkhông làm đơn yêu cầu nên không giải quyết và tách giải quyết thành một vụ án khác là không đúng quy định của pháp luật. Như vậy, Tòa cấp sơ thẩm chưa giải quyết hết yêu cầu khởi kiện là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của các đương sự.

[2] Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Hoàng Đình T với tư cách là đại diện theo pháp luật Công ty TNHH MTV SXTM HT đã chuyển khoản cho bà Lã Thị Kiều L 30.000.000 đồng và 20.000.000 đồng vào các ngày 07/3/2012 và ngày 31/5/2012 cấp sơ thẩm chưa xem xét việc thanh toán số tiền này khấu trừ khoản nợ nào? Sau đó, ông Hoàng Đình T còn giao 02 chiếc xe ben biển kiểm soát số Y và X là tài sản của Công ty TNHH MTV SXTM HTđể đảm bảo thực hiện việc trả nợ cho ông T, bà N. Bà L và ông T, bà N đều thừa nhận việc cầm cố tài sản trên thể hiện qua giấy giao xe (bút lục 07) và giấy nhận xe (bút lục 28)thì 02 chiếc xe ben còn mới thể hiện bằng hợp đồng mua bán xe, tại các bản tự khai và tại phiên tòa phúc thẩm cũng thể hiện việc này. Sau khi vay tiền hai bên còn thỏa thuận viết giấy cầm cố tài sảntại giấy giao xe có nội dung "*...kể từ nay về sau, vợ chồng chị L có trách nhiệm quản lý, bảo vệ xe. Nếu điều khiển trên đường gây ra tai nạn thì bên chị L hoàn toàn chịu trách nhiệm. Khi nào vợ chồng tôi lo được tiền để trả cho chị L thì chị L cho chuộc lại xe*". Tại giấy nhận xe có nội dung " … *kể từ nay về sau, vợ chồng tôi có trách nhiệm quản lý bảo vệ xe. Nếu điều khiển xe trên đường gây tai nạn thì vợ chồng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm*.Do đó trong vụ án này phát sinh thêm quan hệ tranh chấp "Hợp đồng cầm cố tài sản".

Trong nội dung cầm cố 02 chiếc xe benkhông thể hiện việc bà L đượckhai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố. Tại phiên Tòa các bên đều thừa nhận sau khi nhận xe bà L đã dùng 02 chiếc xe để sử dụng, chuyên chở vật liệu. Hiện nay cả hai bên đều xác nhận 02 chiếc xe ben đã hư hỏng. Như vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 332 của Bộ luật dân sự 2005thì bà L đã vi phạm nghĩa vụ của bên nhận cầm cố tài sản.Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lbồi thường thiệt hại đối với 02 chiếc xe ben. Tại phiên Tòa phúc thẩm, ông T trình bày thêm sau khi giao 02 chiếc xe ben cho bà L, bà L tự ý sử dụng và không còn đòi nợ ông. Khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án, ông có yêu cầu buộc bà L bồi thường lợi nhuận từ hoạt động của hai xe tải mỗi ngày một xe là 5.000.000 đồng, hai xe một ngày là 10.000.000 đồng tính từ ngày Công ty TNHH MTV SXTM HT giao xe (ngày 22/7/2012) cho đến ngày Tòa án giải quyếtđể khấu trừ nghĩa vụ trả nợ. Lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải giải thích cho ông T hậu quả của việc không nộp tạm ứng án phí với yêu cầu

và thực hiện nghĩa vụ đóng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu của ông T là yêu cầu độc lập và tách ra giải quyết bằng một vụ án khác là không đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của ông T.Xét đây là yêu cầu giải quyết về hậu quả của hợp đồng cầm cố tài sản chứ không phải yêu cầu độc lập. Do đó, để vụ án được giải quyết triệt cấp sơ thẩm cần phải xem xét giải quyết Hợp đồng cầm cố tài sản giữa vợ chồng ông T, bà N và bà L.

Do quá trình giải quyết Tòa sơ thẩm không xem xét giải quyết Hợp đồng cầm cố tài sản dẫn đến việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, giải quyết vụ án thiếu khách quan và toàn diện,xâm phạm quyền và lợi ích chính đáng của các đương sự.Tại phiên tòa phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm giao về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Kháng cáo của Bị đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được chấp nhận một phần.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát kiểm sát là có căn cứ phù hợp với Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm được giải quyết lại theo quy định của pháp luật

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị đơn ông Hoàng Đình Tvà Công ty TNHH MTV SXTM HTkhông phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Đình T.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sản xuất thương mại HT.

Hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm 08/2017/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện H.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện H giải quyết lại theo thủ tục chung.

Án phí dân sự sơ thẩm: Được giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả lại cho ông T số tiền300.000 đồng theo biên laithu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0014690, quyển số 000294 ngày 06/6/2017tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

Hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sản xuất thương mại HTsố tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0014689, quyển số 000294 ngày 06/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- *TANDCC;*
- *VKSND tỉnhBình Phước;*
- *TAND huyện H;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Viết Phong (đã ký)